

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CẢNG CÁT
LÁI

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG CÁT LÁI
DN: E=tuyenpham5185@gmail.com,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
0305168938, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG CÁT LÁI, O=CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG CÁT LÁI, L="Đường Nguyễn Thị
Định, Phường Cát Lái, Thành Phố Thủ
Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam",
S=TP Hồ Chí Minh, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2025-02-26 17:00:15

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG CÁT LÁI

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	13 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0305168938 ngày 27 tháng 8 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh 11 lần cấp bổ sung giấy chứng nhận thay đổi đăng ký doanh nghiệp về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, bổ sung vốn điều lệ, thay đổi người đại diện theo pháp luật và thay đổi địa chỉ Công ty, trong đó Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 vào ngày 29 tháng 3 năm 2024 do thay đổi thông tin của người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : 0283 7 423 499 – 0283 7 423 501 – 0283 7 423 502
- Fax : 0283 7 423 500
- Email : info@catlaiport.com.vn
- Website : www.catlaiport.com.vn

Địa chỉ giao dịch : Số 50 Nguyễn Văn Kinh, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ lai dắt tàu biển, dịch vụ bốc dỡ hàng hoá tại cảng biển, kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức quốc tế.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thành Sơn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2024
Ông Nguyễn Phương Nam	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2024
Ông Tạ Cao Thái	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Châu Bảo	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Bà Nguyễn Huỳnh Mai	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Ông Lê Chí Đăng	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Ông Phạm Hiếu Đạo	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Ông Hoàng Đức Thịnh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm
Ông Đỗ Thanh Thành	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Ông Lê Hải Nam	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Bà Lê Thị Đoan Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Chí Đăng	Giám đốc	Ngày 19 tháng 4 năm 2019
Ông Phạm Hiếu Đạo	Phó Giám đốc	Ngày 19 tháng 4 năm 2019
Ông Hoàng Minh Thảo	Phó Giám đốc	Ngày 03 tháng 6 năm 2024
Ông Nguyễn Việt Trường	Kế toán trưởng	Ngày 29 tháng 11 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Lê Chí Đăng – Giám đốc Công ty (bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Ngày 19 tháng 02 năm 2025

Số: 2.0071/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 19 tháng 02 năm 2025, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức – Thành viên Ban Giám đốc

Giấy CNDKHN kiểm toán số: 0368-2023-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2025

Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN kiểm toán số: 4028-2022-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		350.811.169.163	340.058.873.826
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	91.729.692.660	228.171.368.733
1. Tiền	111		31.729.692.660	32.212.496.467
2. Các khoản tương đương tiền	112		60.000.000.000	195.958.872.266
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		185.000.000.000	85.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	185.000.000.000	85.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		66.361.292.132	20.562.537.608
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	45.354.511.826	4.317.087.329
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	13.579.060.952	555.411.817
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	11.575.461.293	16.469.315.339
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(4.147.741.939)	(779.276.877)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		5.530.675.211	5.185.890.519
1. Hàng tồn kho	141	V.7	5.530.675.211	5.185.890.519
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.189.509.160	1.139.076.966
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.590.400.646	154.171.775
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		599.108.514	726.585.607
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	-	258.319.584
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

^
z
E
T
*

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		267.400.151.758	272.808.627.195
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		152.948.920.997	171.050.233.042
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	77.965.663.989	94.482.327.950
Nguyên giá	222		502.266.489.415	519.965.847.860
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(424.300.825.426)	(425.483.519.910)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	74.983.257.008	76.567.905.092
Nguyên giá	228		101.542.004.441	101.542.004.441
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(26.558.747.433)	(24.974.099.349)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.304.512.479	3.911.703.759
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	1.304.512.479	3.911.703.759
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	97.846.690.394	97.846.690.394
1. Đầu tư vào công ty con	251		19.000.000.000	19.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		78.225.400.000	78.225.400.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.258.600.000	2.258.600.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.637.309.606)	(1.637.309.606)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		15.300.027.888	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	15.300.027.888	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		618.211.320.921	612.867.501.021

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		24.939.698.739	21.974.572.822
I. Nợ ngắn hạn	310		24.939.698.739	21.974.572.822
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	5.602.979.789	2.734.181.227
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	5.903.625.559	6.603.055.891
4. Phải trả người lao động	314		4.447.246.526	3.043.464.788
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		8.314.352	301.937.267
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	6.221.297.527	6.637.483.197
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	2.756.234.986	2.654.450.452
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		593.271.622.182	590.892.928.199
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	593.271.622.182	590.892.928.199
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		340.000.000.000	340.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		340.000.000.000	340.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		60.123.448.000	60.123.448.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		101.852.596.289	101.852.596.289
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		91.295.577.893	88.916.883.910
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		167.501.747	88.916.883.910
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		91.128.076.146	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		618.211.320.921	612.867.501.021

Lập, ngày 19 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Võ Thái Hậu

Kế toán trưởng

Nguyễn Viết Trường

Giám đốc

Lê Chí Đăng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

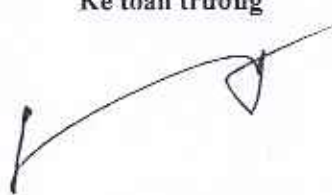
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	190.944.857.877	186.767.257.699
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		190.944.857.877	186.767.257.699
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	58.138.654.644	62.031.815.101
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		132.806.203.233	124.735.442.598
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	15.893.701.471	14.884.532.612
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	-	1.637.309.606
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.108.620.560	1.750.327.065
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	27.997.315.982	20.643.056.627
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		119.593.968.162	115.589.281.912
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2.103.891.297	494.067.018
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.810.018.939	230.713.718
13. Lợi nhuận khác	40		293.872.358	263.353.300
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		119.887.840.520	115.852.635.212
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	23.963.549.840	22.445.724.399
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		95.924.290.680	93.406.910.813
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	-	-

Người lập biểu


Võ Thái Hậu

Kế toán trưởng


Nguyễn Viết Trường

Lập, ngày 19 tháng 02 năm 2025


Giám đốc

Lê Chí Đăng

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		119.887.840.520	115.852.635.212
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10	18.553.225.169	24.232.886.388
- Các khoản dự phòng	03	V.6	3.368.465.062	1.637.309.606
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(17.685.354.524)	(14.720.580.932)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		124.124.176.227	127.002.250.274
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(41.426.961.330)	21.623.569.860
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(344.784.692)	(4.103.086.519)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.688.155.344	(2.039.315.616)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(4.061.234.083)	616.858.514
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(23.379.653.701)	(21.905.697.558)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.15	4.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.15	(5.047.812.163)	(4.864.409.706)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		51.555.885.602	116.330.169.249
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(15.123.676.520)	(4.831.165.800)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		2.073.581.282	200.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(275.000.000.000)	(105.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		175.000.000.000	109.409.653.155
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.861.243.663	14.847.072.781
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(100.188.851.575)	14.625.560.136

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

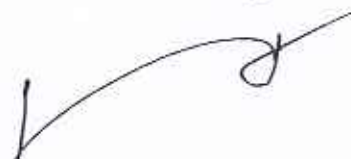
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(87.808.710.100)	(123.818.772.240)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(87.808.710.100)</i>	<i>(123.818.772.240)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>	<i>(136.441.676.073)</i>	<i>7.136.957.145</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i> V.1	<i>228.171.368.733</i>	<i>221.034.411.588</i>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>	-	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	<i>70</i> V.1	<i>91.729.692.660</i>	<i>228.171.368.733</i>

Người lập biểu


Võ Thái Hậu

Kế toán trưởng


Nguyễn Viết Trường

Lập, ngày 19 tháng 02 năm 2025

Giám đốc




Lê Chí Đăng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê cảng biển, cho thuê thiết bị xếp dỡ, dịch vụ bốc dỡ hàng hoá tại cảng biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty con là Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái có trụ sở chính tại 43 đường số N2, khu dân cư Mega Village, khu Phố 3, phường Phú Hữu, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 54,29%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ có trụ sở chính tại thôn Kiều Lương, xã Đức Long, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là cho thuê cảng cạn. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 20%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 38 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 39 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đối với khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không phải là tổ chức niêm yết, không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí bảo hiểm phương tiện. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí bảo hiểm phương tiện

Chi phí bảo hiểm phương tiện được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo thời gian trên hợp đồng bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc và thiết bị	03 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản cố định khác	02 - 06

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (50 năm).

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 04 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

13. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

16. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	360.887.624	27.357.388
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31.368.805.036	32.185.139.079
Các khoản tương đương tiền (<i>tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>)	60.000.000.000	195.958.872.266
Ngân hàng TMCP Nam Á	50.000.000.000	180.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	10.000.000.000	15.958.872.266
Cộng	91.729.692.660	228.171.368.733

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Số dư cuối năm là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 06 – 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc, lãi suất từ 2,9% đến 4,4%/năm.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con - CTCP Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái ⁽ⁱ⁾	19.000.000.000	-	19.000.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết - CTCP Tân Cảng Quế Võ ⁽ⁱⁱ⁾	78.225.400.000	-	78.225.400.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác - CTCP Cao su thành phố Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	2.258.600.000	(1.637.309.606)	2.258.600.000	(1.637.309.606)
Cộng	99.484.000.000	(1.637.309.606)	99.484.000.000	(1.637.309.606)

(i) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty sở hữu 1.900.000 cổ phần, tương đương 54,29% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái, không thay đổi so với số đầu năm.

(ii) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty sở hữu 2.523.400 cổ phần, mệnh giá 25.234.000.000 VND, giá trị ghi sổ là 78.225.400.000 VND, tương ứng với 20% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ, không thay đổi so với số đầu năm.

(iii) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty sở hữu 225.860 cổ phần, tương đương 0,83% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cao su thành phố Hồ Chí Minh, không thay đổi so với số đầu năm.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên kết

Công ty con, Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với công ty con, công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty con, công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái		
Sử dụng dịch vụ của Công ty con	8.236.908.928	8.553.325.188
Doanh thu dịch vụ tư vấn đã cung cấp	120.000.000	120.000.000
Lãi bán hàng trả chậm	4.961.273	363.951.680
Công ty con chia cổ tức	855.000.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ		
Công ty liên kết chia cổ tức	6.013.554.495	4.535.759.103

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	44.217.043.516	3.179.619.019
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	44.217.043.516	975.932.428
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	-	2.203.686.591
Phải thu các khách hàng khác	1.137.468.310	1.137.468.310
Cộng	45.354.511.826	4.317.087.329

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	8.358.000.000	555.411.817
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	6.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	2.358.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Tân Cảng	-	555.411.817
Trả trước cho người bán khác	5.221.060.952	-
Liebherr-Mcctec Rostock GMBH	4.603.932.000	-
Các nhà cung cấp khác	617.128.952	-
Cộng	13.579.060.952	555.411.817

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	7.606.783.625	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái - Tiền lãi trả chậm ⁽ⁱ⁾	-	-	7.606.783.625	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	11.575.461.293	(3.386.023.629)	8.862.531.714	(17.558.567)
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.800.972.602	-	2.050.443.023	-
Tạm ứng	20.000.000	-	57.600.000	-
Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng ⁽ⁱⁱ⁾	6.736.930.124	(3.368.465.062)	6.736.930.124	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	17.558.567	(17.558.567)	17.558.567	(17.558.567)
Cộng	11.575.461.293	(3.386.023.629)	16.469.315.339	(17.558.567)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Khoản lãi phải thu Công ty con theo các hợp đồng bán tài sản ngày 31/12/2017, thanh toán theo phương thức trả chậm, với lãi suất trả chậm là 5% tính trên số dư nợ giảm dần.
- (ii) Phải thu Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng theo các quyết định của Tòa án liên quan đến vụ việc tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên với Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái và hợp đồng gửi giữ hàng hóa giữa Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng với Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái, theo đó Công ty phải thu Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng số tiền 6.736.930.124 VND (bao gồm tiền thuê và tiền lãi). Do Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Bản án và các quyết định thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh đã ban hành Quyết định số 67/QĐ-CC/THADS ngày 8/5/2023 về việc tạm hoãn xuất cảnh đối với Ông Nguyễn Hoàng Hải – Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng.

6. Dự phòng phải thu khó đòi

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng		Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng
Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng	Từ trên 1 năm đến dưới 2 năm	6.736.930.124	(3.368.465.062)		-	-
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	779.276.877	(779.276.877)	Trên 3 năm	779.276.877	(779.276.877)
Cộng		7.516.207.001	(4.147.741.939)		779.276.877	(779.276.877)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	779.276.877	779.276.877
Trích lập dự phòng trong năm	3.368.465.062	-
Số cuối năm	4.147.741.939	779.276.877

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	4.207.217.455	5.185.890.519
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.323.457.756	-
Cộng	5.530.675.211	5.185.890.519

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm phương tiện	147.818.827	154.171.775
Chi phí sửa chữa cầu, cầu tàu	1.442.581.819	-
Cộng	1.590.400.646	154.171.775

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa cầu	3.329.173.138	-
Chi phí sửa chữa hệ thống ray	11.970.854.750	-
Cộng	15.300.027.888	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	195.087.317.394	319.297.844.524	2.465.272.727	1.799.872.937	1.315.540.278	519.965.847.860
Mua trong năm	-	351.979.124	-	99.934.000	-	451.913.124
Thanh lý, nhượng bán	-	(18.151.271.569)	-	-	-	(18.151.271.569)
Số cuối năm	195.087.317.394	301.498.552.079	2.465.272.727	1.899.806.937	1.315.540.278	502.266.489.415
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	48.255.215.546	232.325.700.257	-	55.400.545	347.571.500	280.983.887.848
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	118.051.768.260	305.281.753.954	888.242.920	755.195.068	506.559.708	425.483.519.910
Khấu hao trong năm	6.901.704.540	8.924.279.672	410.878.788	480.900.493	250.813.592	16.968.577.085
Thanh lý, nhượng bán	-	(18.151.271.569)	-	-	-	(18.151.271.569)
Số cuối năm	124.953.472.800	296.054.762.057	1.299.121.708	1.236.095.561	757.373.300	424.300.825.426
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	77.035.549.134	14.016.090.570	1.577.029.807	1.044.677.869	808.980.570	94.482.327.950
Số cuối năm	70.133.844.594	5.443.790.022	1.166.151.019	663.711.376	558.166.978	77.965.663.989
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	101.262.004.441	280.000.000	101.542.004.441
Số cuối năm	101.262.004.441	280.000.000	101.542.004.441
<i>Trong đó:</i>			
Dã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	280.000.000	280.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	24.694.099.349	280.000.000	24.974.099.349
Khấu hao trong năm	1.584.648.084	-	1.584.648.084
Số cuối năm	26.278.747.433	280.000.000	26.558.747.433
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	76.567.905.092	-	76.567.905.092
Số cuối năm	74.983.257.008	-	74.983.257.008
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào chi phí/ chi phí trả trước	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	124.061.666	-	124.061.666
Xây dựng cơ bản dở dang	553.543.848	-	-	553.543.848
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	3.358.159.911	9.943.769.730	(12.675.022.676)	626.906.965
Công trình sửa chữa bảo trì hệ thống ray và thiết bị phụ trợ cầu cảng số 7	3.358.159.911	9.316.862.765	(12.675.022.676)	-
Các công trình khác	-	626.906.965	-	626.906.965
Cộng	3.911.703.759	10.067.831.396	(12.675.022.676)	1.304.512.479

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1.332.442.773	828.822.821
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	38.400.487	10.470.301
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	657.594.180	629.039.320
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC	-	189.313.200
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Tân Cảng	636.448.106	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	4.270.537.016	1.905.358.406
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Hồng Lĩnh	2.044.326.721	1.049.376.088
Công ty TNHH Thương mại Đan Hưng	810.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Thiết kế Số Một	528.698.393	148.933.373
Các nhà cung cấp khác	887.511.902	707.048.945
Cộng	5.602.979.789	2.734.181.227

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	13.676.366.718	(13.676.366.718)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.858.754.853	-	23.963.549.840	(23.379.653.701)	5.442.650.992
Thuế thu nhập cá nhân	1.744.301.038	-	1.870.311.497	(3.153.637.968)	460.974.567
Thuế nhà đất	-	-	15.499.175	(15.499.175)	-
Tiền thuê đất	-	258.319.584	861.065.280	(602.745.696)	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	6.603.055.891	258.319.584	40.389.792.510	(40.830.903.258)	5.903.625.559

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Cung cấp nước sạch	5%
Các dịch vụ khác	8%, 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	119.887.840.520	115.852.635.212
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	6.071.663.174	831.526.487
<i>Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành</i>	<i>554.700.000</i>	<i>588.800.000</i>
<i>Chi phí không hợp lệ khác</i>	<i>5.516.963.174</i>	<i>242.726.487</i>
Thu nhập chịu thuế	125.959.503.694	116.684.161.699
Thu nhập được miễn thuế (cổ tức, LN được chia)	(6.868.554.495)	(4.535.759.103)
Thu nhập tính thuế	119.090.949.199	112.148.402.596
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	<i>23.818.189.840</i>	<i>22.429.680.519</i>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	<i>145.360.000</i>	<i>16.043.880</i>
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	23.963.549.840	22.445.724.399

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền thuê đất

Theo thông báo nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước theo hình thức nộp hàng năm số 7512/TB-CCITP/Đ ngày 11 tháng 3 năm 2024 tiền thuê đất phải nộp năm 2024 cho diện tích 59.796,2 m² tại phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức với mục đích sử dụng là hoạt động dịch vụ tàu biển là 861.065.280 VND.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>162.000.000</i>	-
Thù lao HĐQT, BKS	162.000.000	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>6.059.297.527</i>	<i>6.637.483.197</i>
Kinh phí công đoàn	30.768.126	27.717.942
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	4.128.734	4.128.720
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	375.750.000	375.750.000
Cổ tức phải trả	5.626.596.635	6.217.886.535
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	22.054.032	12.000.000
Cộng	6.221.297.527	6.637.483.197

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng khác	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	1.966.322.863	4.000.000	3.836.971.627	(3.532.000.000)	2.275.294.490
Quỹ phúc lợi	683.267.707	-	959.242.907	(1.166.430.000)	476.080.614
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	4.859.882	-	349.382.163	(349.382.163)	4.859.882
Cộng	2.654.450.452	4.000.000	5.145.596.697	(5.047.812.163)	2.756.234.986

16. Vốn chủ sở hữu

16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<i>Năm trước</i>					
Số dư đầu năm	340.000.000.000	60.123.448.000	101.852.596.289	125.613.728.344	627.589.772.633
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	93.406.910.813	93.406.910.813
Chia cổ tức	-	-	-	(125.120.000.000)	(125.120.000.000)
Trích quỹ khen thưởng BĐH từ LN năm trước	-	-	-	(313.409.706)	(313.409.706)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LN trong năm	-	-	-	(4.670.345.541)	(4.670.345.541)
Số dư cuối năm	340.000.000.000	60.123.448.000	101.852.596.289	88.916.883.910	590.892.928.199

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Năm nay					
Số dư đầu năm	340.000.000.000	60.123.448.000	101.852.596.289	88.916.883.910	590.892.928.199
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	95.924.290.680	95.924.290.680
Chia cổ tức	-	-	-	(88.400.000.000)	(88.400.000.000)
Trích quỹ khen thưởng BĐH từ LN năm trước	-	-	-	(349.382.163)	(349.382.163)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LN trong năm	-	-	-	(4.796.214.534)	(4.796.214.534)
Số dư cuối năm	340.000.000.000	60.123.448.000	101.852.596.289	91.295.577.893	593.271.622.182

16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	162.149.200.000	162.149.200.000
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	87.161.700.000	87.161.700.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Thanh niên xung phong	74.987.500.000	74.987.500.000
Vốn góp của các cổ đông khác	177.850.800.000	177.850.800.000
Thặng dư vốn cổ phần	60.123.448.000	60.123.448.000
Cộng	400.123.448.000	400.123.448.000

16c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	34.000.000	34.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	34.000.000	34.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	34.000.000	34.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

17d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 19/NQ-ĐHĐCĐ/CLL ngày 03 tháng 6 năm 2024 như sau:

Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023	VND
• Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	: 349.382.163
• Chia cổ tức	: 88.400.000.000
Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024	
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (5% LNST)	: 4.796.214.534

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ cho thuê cảng biển	153.000.000.000	150.000.000.000
Doanh thu dịch vụ cho thuê thiết bị xếp dỡ	23.800.483.512	25.053.140.539
Doanh thu dịch vụ khác	14.144.374.365	11.714.117.160
Cộng	190.944.857.877	186.767.257.699

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn</i>		
Doanh thu dịch vụ cho thuê cảng biển	153.000.000.000	150.000.000.000
Doanh thu dịch vụ cho thuê thiết bị xếp dỡ	23.800.483.512	25.053.140.539
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	7.104.240.000	-
Doanh thu dịch vụ khác	6.645.034.365	11.594.117.160
Cộng	190.549.757.877	186.647.257.699

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ cho thuê cảng biển	22.838.155.861	29.683.064.895
Giá vốn dịch vụ cho thuê thiết bị xếp dỡ	20.949.146.670	22.295.789.242
Giá vốn dịch vụ khác	14.351.352.113	10.052.960.964
Cộng	58.138.654.644	62.031.815.101

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	8.743.218.747	9.834.249.704
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	276.966.956	150.572.125
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.868.554.495	4.535.759.103
Lãi bán hàng trả chậm	4.961.273	363.951.680
Cộng	15.893.701.471	14.884.532.612

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	1.637.309.606

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	720.954.000	925.464.000
Chi phí bán hàng khác	387.666.560	824.863.065
Cộng	1.108.620.560	1.750.327.065

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	12.566.166.458	9.875.398.282
Chi phí vật liệu quản lý	125.633.778	221.946.678
Chi phí đồ dùng văn phòng	329.933.515	251.048.787
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.901.419.641	1.831.091.712
Thuế, phí và lệ phí	23.684.175	18.899.175
Dự phòng phải thu khó đòi	3.368.465.062	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.383.192.457	2.606.056.060
Các chi phí khác	6.298.820.896	5.838.615.933
Cộng	27.997.315.982	20.643.056.627

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.073.581.282	200.000.000
Tiền bán phế liệu, vật tư đã qua sử dụng	30.310.000	-
Thu từ thi hành án tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	294.066.047
Thu nhập khác	15	971
Cộng	2.103.891.297	494.067.018

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Phạt vi phạm hành chính và thuế bị phạt, truy thu	219.658.000	38.896.871
Chi phí ủng hộ	71.712.690	184.800.000
Chi phí phải trả về thi hành án Tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	1.518.466.400	-
Chi phí khác	181.849	7.016.847
Cộng	1.810.018.939	230.713.718

(*) Theo bản án phúc thẩm số 132/2024/KDTM-PT ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Tòa án Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh liên quan đến vụ việc tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên với Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái: Công ty phải trả cho Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên số tiền 1.452.880.000 VND (bao gồm tiền phân chia doanh thu 13 tháng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán) và phải chịu án phí, số tiền 55.586.400 VND.

9. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	125.633.778	221.946.678
Chi phí nhân công	17.863.439.164	15.215.161.597
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.553.225.169	24.232.886.388
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.631.524.732	29.475.600.893
Chi phí khác	17.070.768.343	15.279.603.237
Cộng	87.244.591.186	84.425.198.793

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng cho thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	150.000.000.000	150.000.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	600.000.000.000	750.000.000.000
Trên 5 năm	-	-
Cộng	750.000.000.000	900.000.000.000

Tổng số tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là doanh thu trong năm là 153.000.000.000 VND (cùng kỳ năm trước là 150.000.000.000 VND).

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt trong năm (năm trước Công ty chỉ phát sinh giao dịch tạm ứng và hoàn ứng cho ông Phạm Hiếu Đạo – Ủy viên HĐQT/Phó Giám đốc với số tiền 40.000.000 VND).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.14.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Họ tên - Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
<i>Năm nay</i>				
Ông Nguyễn Thành Sơn - Chủ tịch HĐQT (từ 03/06/2024)	816.750.000	15.500.000	-	832.250.000
Ông Nguyễn Phương Nam - Chủ tịch HĐQT (đến 03/06/2024)	-	53.676.031	50.700.000	104.376.031
Ông Tạ Cao Thái - Phó Chủ tịch HĐQT		27.434.416	120.000.000	147.434.416
Ông Nguyễn Châu Bảo - Thành viên HĐQT	-	43.916.752	72.000.000	115.916.752
Bà Nguyễn Huỳnh Mai - Thành viên HĐQT	-	43.916.752	72.000.000	115.916.752
Ông Lê Chí Đăng - Thành viên HĐQT /Giám đốc	1.229.055.921	74.796.391	72.000.000	1.375.852.312
Ông Phạm Hiếu Đạo - Thành viên HĐQT /Phó Giám đốc	946.066.586	74.796.391	72.000.000	1.092.862.977
Ông Hoàng Đức Thịnh - Thành viên HĐQT	-	22.446.340	72.000.000	94.446.340
Ông Đỗ Thanh Thành - Trưởng BKS	-	-	60.000.000	60.000.000
Bà Lê Thị Doan Trang - TV BKS	-	-	54.000.000	54.000.000
Ông Lê Hải Nam - TV BKS	-	-	54.000.000	54.000.000
Ông Hoàng Minh Thảo - Phó Giám đốc (từ 03/6/2024)	622.641.105	15.500.000	-	638.141.105
Ông Nguyễn Việt Trường - Kế toán trưởng	840.497.430	60.157.475	-	900.654.905
Cộng	4.455.011.042	432.140.548	698.700.000	5.585.851.590
<i>Năm trước</i>				
Ông Nguyễn Phương Nam - Chủ tịch HĐQT	-	51.455.325	120.000.000	171.455.325
Ông Lê Thành Khoa - Phó Chủ tịch HĐQT (đến 27/6/2023)	-	51.455.325	58.666.667	110.121.992
Ông Tạ Cao Thái - Phó Chủ tịch HĐQT (từ 27/6/2023)	-	-	87.733.333	87.733.333
Ông Hoàng Đức Thịnh - Thành viên HĐQT (từ 27/6/2023)	-	-	36.800.000	36.800.000
Ông Nguyễn Châu Bảo - Thành viên HĐQT	-	42.099.811	72.000.000	114.099.811
Bà Nguyễn Huỳnh Mai - Thành viên HĐQT	-	42.099.811	72.000.000	114.099.811
Ông Lê Chí Đăng - Thành viên HĐQT /Giám đốc	1.091.415.855	72.777.568	72.000.000	1.236.193.423
Ông Phạm Hiếu Đạo - Thành viên HĐQT / Phó Giám đốc	834.399.231	72.777.568	72.000.000	979.176.799
Ông Đỗ Thanh Thành - Trưởng BKS	-	-	60.000.000	60.000.000
Bà Lê Thị Doan Trang - TV BKS	-	-	27.600.000	27.600.000
Ông Lê Hải Nam - TV BKS	-	-	54.000.000	54.000.000
Ông Nguyễn Việt Trường - Kế toán trưởng	744.895.717	58.744.298	-	803.640.015
Cộng	2.670.710.803	391.409.706	732.800.000	3.794.920.509

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Thanh niên Xung phong	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	Công ty con
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Gantry	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Tân Cảng	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC	Bên liên quan của cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chia cổ tức cho các bên liên quan:		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	22.662.042.000	32.075.505.600
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	3.217.500.000	4.554.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Thanh niên xung phong	19.496.750.000	27.595.400.000
Mua hàng và sử dụng dịch vụ của các bên liên quan:		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	219.664.768	105.723.713
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	1.606.817.904	8.755.232.673
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	74.390.000	219.861.616
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Tân Cảng	11.126.029.093	2.902.465.116
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC	42.593.000	175.290.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5 và V.12.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là cung cấp dịch vụ cho thuê cảng biển và dịch vụ phụ trợ (gồm: dịch vụ cho thuê thiết bị xếp dỡ tại cảng, dịch vụ vận chuyển,...). Thông tin chi tiết về doanh thu và giá vốn của từng dịch vụ được trình bày tại Thuyết minh VI.1 và VI.2. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện toàn bộ trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động đáng kể bởi những khác biệt về các lĩnh vực kinh doanh mà Công ty thực hiện hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và một bộ phận theo khu vực địa lý và Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 19 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu


Võ Thái Hậu

Kế toán trưởng


Nguyễn Việt Trường

Giám đốc


Lê Chí Đăng

FINANCIAL STATEMENTS
FOR THE FISCAL YEAR ENDED 31 DECEMBER 2024

CAT LAI PORT
JOINT STOCK COMPANY

CONTENTS

	Page
1. Contents	1
2. Statement of the Board of Management	2 - 3
3. Independent Auditor's Report	4 - 5
4. Balance Sheet as at 31 December 2024	6 - 9
5. Income Statement for the fiscal year ended 31 December 2024	10
6. Cash Flow Statement for the fiscal year ended 31 December 2024	11 - 12
7. Notes to the Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2024	13 - 33

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

The Board of Management of Cat Lai Port Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company") presents this statement together with the Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2024.

Business highlights

Cat Lai Port Joint Stock Company operates in accordance with the 1st Business Registration Certificate No. 0305168938 dated 27 August 2007 granted by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City.

During the operation course, the Company has been 11 times additionally granted with the amended Business Registration Certificates regarding the supplement of principal activities, charter capital, the changes in the Company's legal representative and address, in which the 11th amended Business Registration Certificate dated 29 March 2024 was due to the change in the Company's legal representative.

Head office

- Address : Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam
- Tel. : 0283 7 423 499 – 0283 7 423 501 – 0283 7 423 502
- Fax : 0283 7 423 500
- Email : info@catlaiport.com.vn
- Website : www.catlaiport.com.vn

Business address: No. 50 Nguyen Van Kinh, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City.

The principal business activities of the Company are shipping agency services, sea transport agency services, maritime brokerage services, shipping towage services, cargo loading and unloading services at seaports, trading international multimodal transport services.

Board of Directors, Board of Supervisors and Executive Officers

The members of the Board of Directors, the Board of Supervisors, the Board of Management and the Chief Accountant of the Company during the year and as of the date of this statement include:

Board of Directors

Full name	Position	Appointing date/re-appointing date/resigning date
Mr. Nguyen Thanh Son	Chairman	Appointed on 03 June 2024
Mr. Nguyen Phuong Nam	Chairman	Resigned on 03 June 2024
Mr. Ta Cao Thai	Vice Chairman	Appointed on 27 June 2023
Mr. Nguyen Chau Bao	Member	Re-appointed on 27 June 2023
Ms. Nguyen Huynh Mai	Member	Re-appointed on 27 June 2023
Mr. Le Chi Dang	Member	Re-appointed on 27 June 2023
Mr. Pham Hieu Dao	Member	Re-appointed on 27 June 2023
Mr. Hoang Duc Thinh	Member	Appointed on 27 June 2023

Board of Supervisors

Full name	Position	Appointing date/re-appointing date
Mr. Do Thanh Thanh	Head of BOS	Re-appointed on 27 June 2023
Mr. Le Hai Nam	Member	Re-appointed on 27 June 2023
Ms. Le Thi Doan Trang	Member	Appointed on 27 June 2023

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY
STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT (cont.)

Board of Management and Chief Accountant

Full name	Position	Appointing date
Mr. Le Chi Dang	Director	19 April 2019
Mr. Pham Hieu Dao	Deputy Director	19 April 2019
Mr. Hoang Minh Thao	Deputy Director	3 June 2024
Mr. Nguyen Viet Truong	Chief Accountant	29 November 2019

Legal representative

The legal representative of the Company during the year and as of the date of this statement is Mr. Le Chi Dang – Director (appointed on 19 April 2019).

Auditor

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. has been appointed to perform the audit on the Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2024 of the Company.

Responsibilities of the Board of Management

The Board of Management is responsible for the preparation of the Financial Statements to give a true and fair view on the financial position, the financial performance and the cash flows of the Company during the year. In order to prepare these Financial Statements, the Board of Management must:

- select appropriate accounting policies and apply them consistently;
- make judgments and estimates reasonably and prudently;
- state clearly whether the accounting standards applied to the Company are followed or not, and all the material differences from these standards are disclosed and explained in the Financial Statements;
- prepare the Financial Statements of the Company on the going-concern basis, except for the cases that the going-concern assumption is considered inappropriate;
- design and implement effectively the internal control system to minimize the risks of material misstatements due to frauds or errors in the preparation and presentation of the Financial Statements.

The Board of Management hereby ensures that all the proper accounting books of the Company have been fully recorded and can fairly reflect the financial position of the Company at any time, and that all the accounting books have been prepared in compliance with the applicable Accounting System. The Board of Management is also responsible for managing the Company's assets and consequently has taken appropriate measures to prevent and detect frauds and other irregularities.

The Board of Management hereby commits to the compliance with the aforementioned requirements in preparation of the Financial Statements.

Approval on the Financial Statements

The Board of Management hereby approves the accompanying Financial Statements, which give a true and fair view of the financial position as at 31 December 2024, the financial performance and the cash flows for the fiscal year then ended of the Company in conformity with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Financial Statements.

For and on behalf of the Board of Management,


Le Chi Dang

19 February 2025

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam

Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Nha Trang City, Vietnam

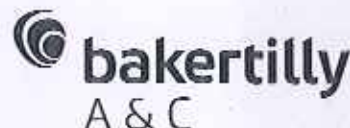
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@ae-c.com.vn

Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@ae-c.com.vn

Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@ae-c.com.vn

Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@ae-c.com.vn



www.a-c.com.vn

No. 2.0071/25/TC-AC

INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT

THE SHAREHOLDERS, THE BOARD OF DIRECTORS AND THE BOARD OF MANAGEMENT CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

We have audited the accompanying Financial Statements of Cat Lai Port Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company"), which were prepared on 19 February 2025, from page 06 to page 33, including the Balance Sheet as at 31 December 2024, the Income Statement, the Cash Flow Statement for the fiscal year then ended and the Notes to the Financial Statements.

Responsibility of the Board of Management

The Company's Board of Management is responsible for the preparation, true and fair presentation of the Company's Financial Statements in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Financial Statements; and responsible for the internal control as the Board of Management determines necessary to enable the preparation and presentation of the Financial Statements to be free from material misstatement due to fraud or error.

Responsibility of Auditors

Our responsibility is to express an opinion on the Financial Statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with the Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical standards and requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the Company's Financial Statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the Financial Statements. The procedures selected depend on the auditor's judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the Financial Statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the Company's preparation and true and fair presentation of the Financial Statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the Board of Management, as well as evaluating the overall presentation of the Financial Statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

Opinion of Auditors

In our opinion, the Financial Statements give a true and fair view, in all material respects, of the financial position as at 31 December 2024 of Cat Lai Port Joint Stock Company, its financial performance and its cash flows for the fiscal year then ended in conformity with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Financial Statements.

Other matter

The Auditor's Report on the Company's Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2024 is prepared in Vietnamese and English. Should there be any conflict between the Vietnamese and English versions, the Vietnamese version shall take precedence.

For and on behalf of

~~A&C Auditing and Consulting Co., Ltd.~~



Nguyen Hoang Duc – Partner

Audit Practice Registration Certificate:

No. 0368-2023-008-1

Authorized signatory

Hanoi, 19 February 2025



Vu Tuan Nghia – Auditor

Audit Practice Registration Certificate:

No. 4028-2022-008-1

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

BALANCE SHEET

As at 31 December 2024

Unit: VND

ASSETS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
A - CURRENT ASSETS	100		350,811,169,163	340,058,873,826
I. Cash and cash equivalents	110	V.1	91,729,692,660	228,171,368,733
1. Cash	111		31,729,692,660	32,212,496,467
2. Cash equivalents	112		60,000,000,000	195,958,872,266
II. Short-term financial investments	120		185,000,000,000	85,000,000,000
1. Trading securities	121		-	-
2. Provisions for the diminution in value of trading securities	122		-	-
3. Held-to-maturity investments	123	V.2a	185,000,000,000	85,000,000,000
III. Short-term receivables	130		66,361,292,132	20,562,537,608
1. Short-term trade receivables	131	V.3	45,354,511,826	4,317,087,329
2. Short-term prepayments to suppliers	132	V.4	13,579,060,952	555,411,817
3. Short-term inter-company receivables	133		-	-
4. Receivables based on the progress of construction contracts	134		-	-
5. Receivables for short-term loans	135		-	-
6. Other short-term receivables	136	V.5	11,575,461,293	16,469,315,339
7. Allowance for short-term doubtful debts	137	V.6	(4,147,741,939)	(779,276,877)
8. Deficit assets for treatment	139		-	-
IV. Inventories	140		5,530,675,211	5,185,890,519
1. Inventories	141	V.7	5,530,675,211	5,185,890,519
2. Allowance for devaluation of inventories	149		-	-
V. Other current assets	150		2,189,509,160	1,139,076,966
1. Short-term prepaid expenses	151	V.8a	1,590,400,646	154,171,775
2. Deductible VAT	152		599,108,514	726,585,607
3. Taxes and other receivables from the State	153	V.11	-	258,319,584
4. Trading Government bonds	154		-	-
5. Other current assets	155		-	-

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Balance Sheet (cont.)

ASSETS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
B - NON-CURRENT ASSETS	200		267,400,151,758	272,808,627,195
I. Long-term receivables	210		-	-
1. Long-term trade receivables	211		-	-
2. Long-term prepayments to suppliers	212		-	-
3. Working capital in affiliates	213		-	-
4. Long-term inter-company receivables	214		-	-
5. Receivables for long-term loans	215		-	-
6. Other long-term receivables	216		-	-
7. Allowance for long-term doubtful debts	219		-	-
II. Fixed assets	220		152,948,920,997	171,050,233,042
1. Tangible fixed assets	221	V.9	77,965,663,989	94,482,327,950
<i>Historical costs</i>	222		502,266,489,415	519,965,847,860
<i>Accumulated depreciation</i>	223		(424,300,825,426)	(425,483,519,910)
2. Financial leased assets	224		-	-
<i>Historical costs</i>	225		-	-
<i>Accumulated depreciation</i>	226		-	-
3. Intangible fixed assets	227	V.10	74,983,257,008	76,567,905,092
<i>Historical costs</i>	228		101,542,004,441	101,542,004,441
<i>Accumulated amortization</i>	229		(26,558,747,433)	(24,974,099,349)
III. Investment properties	230		-	-
<i>Historical costs</i>	231		-	-
<i>Accumulated depreciation</i>	232		-	-
IV. Long-term assets in progress	240		1,304,512,479	3,911,703,759
1. Long-term work in progress	241		-	-
2. Construction-in-progress	242	V.11	1,304,512,479	3,911,703,759
V. Long-term financial investments	250	V.2b	97,846,690,394	97,846,690,394
1. Investments in subsidiaries	251		19,000,000,000	19,000,000,000
2. Investments in joint ventures and associates	252		78,225,400,000	78,225,400,000
3. Investments in other entities	253		2,258,600,000	2,258,600,000
4. Provisions for the diminution in value of long-term financial investments	254		(1,637,309,606)	(1,637,309,606)
5. Held-to-maturity investments	255		-	-
VI. Other non-current assets	260		15,300,027,888	-
1. Long-term prepaid expenses	261	V.8b	15,300,027,888	-
2. Deferred income tax assets	262		-	-
3. Long-term components and spare parts	263		-	-
4. Other non-current assets	268		-	-
TOTAL ASSETS	270		618,211,320,921	612,867,501,021

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Balance Sheet (cont.)

RESOURCES	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
C - LIABILITIES	300		24,939,698,739	21,974,572,822
I. Current liabilities	310		24,939,698,739	21,974,572,822
1. Short-term trade payables	311	V.12	5,602,979,789	2,734,181,227
2. Short-term advances from customers	312		-	-
3. Taxes and other obligations to the State Budget	313	V.13	5,903,625,559	6,603,055,891
4. Payables to employees	314		4,447,246,526	3,043,464,788
5. Short-term accrued expenses	315		8,314,352	301,937,267
6. Short-term inter-company payables	316		-	-
7. Payables based on the progress of construction contracts	317		-	-
8. Short-term unearned revenue	318		-	-
9. Other short-term payables	319	V.14	6,221,297,527	6,637,483,197
10. Short-term borrowings and financial leases	320		-	-
11. Short-term provisions	321		-	-
12. Bonus and welfare funds	322	V.15	2,756,234,986	2,654,450,452
13. Price stabilization fund	323		-	-
14. Trading Government bonds	324		-	-
II. Non-current liabilities	330		-	-
1. Long-term trade payables	331		-	-
2. Long-term advances from customers	332		-	-
3. Long-term accrued expenses	333		-	-
4. Inter-company payables for working capital	334		-	-
5. Long-term inter-company payables	335		-	-
6. Long-term unearned revenue	336		-	-
7. Other long-term payables	337		-	-
8. Long-term borrowings and financial leases	338		-	-
9. Convertible bonds	339		-	-
10. Preferred shares	340		-	-
11. Deferred income tax liabilities	341		-	-
12. Long-term provisions	342		-	-
13. Science and technology development fund	343		-	-

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Balance Sheet (cont.)

RESOURCES	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
D - OWNER'S EQUITY	400		593,271,622,182	590,892,928,199
I. Owner's equity	410	V.16	593,271,622,182	590,892,928,199
1. Owner's contribution capital	411		340,000,000,000	340,000,000,000
- Ordinary shares carrying voting right	411a		340,000,000,000	340,000,000,000
- Preferred shares	411b		-	-
2. Share premiums	412		60,123,448,000	60,123,448,000
3. Bond conversion options	413		-	-
4. Other sources of capital	414		-	-
5. Treasury shares	415		-	-
6. Differences on asset revaluation	416		-	-
7. Foreign exchange differences	417		-	-
8. Investment and development fund	418		101,852,596,289	101,852,596,289
9. Business arrangement supporting fund	419		-	-
10. Other funds	420		-	-
11. Retained earnings	421		91,295,577,893	88,916,883,910
- Retained earnings accumulated to the end of the previous period	421a		167,501,747	88,916,883,910
- Retained earnings of the current period	421b		91,128,076,146	-
12. Construction investment fund	422		-	-
II. Other sources and funds	430		-	-
1. Sources of expenditure	431		-	-
2. Fund to form fixed assets	432		-	-
TOTAL RESOURCES	440		618,211,320,921	612,867,501,021

Prepared on 19 February 2025

Prepared by

Chief Accountant

Director

Vo Thai Hau

Nguyen Viet Truong

Le Chi Dang



CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

INCOME STATEMENT

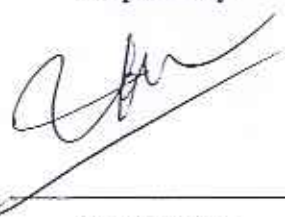
For the fiscal year ended 31 December 2024

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	Current year	Previous year
1. Revenue from sales of merchandise and rendering of services	01	VI.1	190,944,857,877	186,767,257,699
2. Revenue deductions	02		-	-
3. Net revenue from sales of merchandise and rendering of services	10		190,944,857,877	186,767,257,699
4. Costs of sales	11	VI.2	58,138,654,644	62,031,815,101
5. Gross profit/ (loss) from sales of merchandise and rendering of services	20		132,806,203,233	124,735,442,598
6. Financial income	21	VI.3	15,893,701,471	14,884,532,612
7. Financial expenses	22	VI.4	-	1,637,309,606
In which: Interest expenses	23		-	-
8. Selling expenses	25	VI.5	1,108,620,560	1,750,327,065
9. General and administration expenses	26	VI.6	27,997,315,982	20,643,056,627
10. Net operating profit/ (loss)	30		119,593,968,162	115,589,281,912
11. Other income	31	VI.7	2,103,891,297	494,067,018
12. Other expenses	32	VI.8	1,810,018,939	230,713,718
13. Other profit/ (loss)	40		293,872,358	263,353,300
14. Total accounting profit/ (loss) before tax	50		119,887,840,520	115,852,635,212
15. Current income tax	51	V.13	23,963,549,840	22,445,724,399
16. Deferred income tax	52		-	-
17. Profit/ (loss) after tax	60		95,924,290,680	93,406,910,813
18. Basic earnings per share	70	VI.9	-	-
19. Diluted earnings per share	71	VI.9	-	-

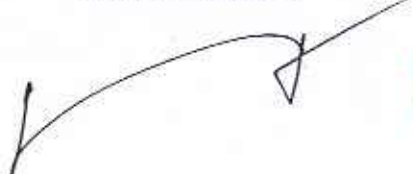
Prepared on 19 February 2025

Prepared by



Vo Thai Hau

Chief Accountant



Nguyen Viet Trung

Director



Le Chi Dang

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

CASH FLOW STATEMENT

(Indirect method)

For the fiscal year ended 31 December 2024

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	Current year	Previous year
I. Cash flows from operating activities				
1. Profit/ (loss) before tax	01		119,887,840,520	115,852,635,212
2. Adjustments				
- Depreciation and amortization of fixed assets and	02	V.9, 10	18,553,225,169	24,232,886,388
- Provisions and allowances	03	V.6	3,368,465,062	1,637,309,606
- Exchange (gain)/ loss due to revaluation of monetary items in foreign currencies	04		-	-
- (Gain)/ loss from investing activities	05		(17,685,354,524)	(14,720,580,932)
- Interest expenses	06		-	-
- Others	07		-	-
3. Operating profit/ (loss) before changes of working capital	08		124,124,176,227	127,002,250,274
- (Increase)/ decrease of receivables	09		(41,426,961,330)	21,623,569,860
- (Increase)/ decrease of inventories	10		(344,784,692)	(4,103,086,519)
- Increase/ (decrease) of payables	11		1,688,155,344	(2,039,315,616)
- (Increase)/ decrease of prepaid expenses	12		(4,061,234,083)	616,858,514
- (Increase)/ decrease of trading securities	13		-	-
- Interests paid	14		-	-
- Corporate income tax paid	15	V.13	(23,379,653,701)	(21,905,697,558)
- Other cash inflows from operating activities	16	V.15	4,000,000	-
- Other cash outflows from operating activities	17	V.15	(5,047,812,163)	(4,864,409,706)
Net cash flows from operating activities	20		51,555,885,602	116,330,169,249
II. Cash flows from investing activities				
1. Purchases and construction of fixed assets and other non-current assets	21		(15,123,676,520)	(4,831,165,800)
2. Proceeds from disposals of fixed assets and other non-current assets	22		2,073,581,282	200,000,000
3. Cash outflows for lending, buying debt instruments of other entities	23		(275,000,000,000)	(105,000,000,000)
4. Cash recovered from lending, selling debt instruments of other entities	24		175,000,000,000	109,409,653,155
5. Investments into other entities	25		-	-
6. Withdrawals of investments in other entities	26		-	-
7. Interests earned, dividends and profits received	27		12,861,243,663	14,847,072,781
Net cash flows from investing activities	30		(100,188,851,575)	14,625,560,136

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Cash Flow Statement (cont.)

ITEMS	Code	Note	Current year	Previous year
III. Cash flows from financing activities				
1. Proceeds from issuing stocks and capital contributions from owners	31		-	-
2. Repayment for capital contributions and re-purchases of stocks already issued	32		-	-
3. Proceeds from borrowings	33		-	-
4. Repayment for loan principal	34		-	-
5. Payments for financial leased assets	35		-	-
6. Dividends and profits paid to the owners	36		(87,808,710,100)	(123,818,772,240)
<i>Net cash flows from financing activities</i>	40		<u>(87,808,710,100)</u>	<u>(123,818,772,240)</u>
Net cash flows during the year	50		(136,441,676,073)	7,136,957,145
Beginning cash and cash equivalents	60	V.1	228,171,368,733	221,034,411,588
Effects of fluctuations in foreign exchange rates	61		-	-
Ending cash and cash equivalents	70	V.1	<u>91,729,692,660</u>	<u>228,171,368,733</u>

Prepared by



Vo Thai Hau

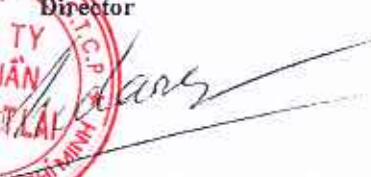
Chief Accountant



Nguyen Viet Truong

Prepared on 19 February 2025

Director

Le Chi Dang

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

I. GENERAL INFORMATION

1. Ownership form

Cat Lai Port Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company") is a joint stock company.

2. Operating field

The Company operates in the field of service.

3. Principal activities

The principal activities of the Company are leasing seaport, leasing stevedoring equipment, cargo loading and unloading services at seaports.

4. Normal operating cycle

The normal operating cycle of the Company is within 12 months.

5. Structure of the Company

Subsidiary

The Company only invests in one subsidiary, which is Cat Lai Port International Logistics JSC. located at No. 43 Road N2, Mega Village Residential Quarter, Quarter 3, Phu Huu Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City. The principal activity of this subsidiary is other support services related to transportation. As of the balance sheet date, the Company's contribution rate in this subsidiary was 54.29%, the voting rate and the ownership rate were equivalent to the contribution rate.

Associate

The Company only invests in one associate, which is Tan Cang Que Vo JSC. located in Kieu Luong Hamlet, Duc Long Commune, Que Vo Town, Bac Ninh Province. The principal activity of this associate is leasing depot. As of the balance sheet date, the Company's contribution rate in this associate was 20%, the voting rate and the ownership rate were equivalent to the contribution rate.

6. Statement on information comparability in the Financial Statements

The corresponding figures of the previous year are comparable to those of the current year.

7. Employees

As of the balance sheet date, there were 38 employees working for the Company (at the beginning of the year: 39 employees).

II. FISCAL YEAR AND ACCOUNTING CURRENCY

1. Fiscal year

The fiscal year of the Company is from 1 January to 31 December annually.

2. Accounting currency unit

The accounting currency unit is Vietnam Dong (VND) because payments and receipts of the Company are primarily made in VND.

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

III. ACCOUNTING STANDARDS AND SYSTEM

1. Accounting System

The Company applies the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, which were issued together with the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014, the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 as well as other Circulars guiding the implementation of the Vietnamese Accounting Standards of the Ministry of Finance in the preparation and presentation of Financial Statements.

2. Statement on the compliance with the Accounting Standards and System

The Board of Management ensures to follow all the requirements of the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, which were issued together with the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014, the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 as well as other Circulars guiding the implementation of Vietnamese Accounting Standards of the Ministry of Finance in the preparation and presentation of Financial Statements.

IV. ACCOUNTING POLICIES

1. Basis of preparation of the Financial Statements

All the Financial Statements are prepared on the accrual basis (except for the information related to cash flows).

The Financial Statements are prepared in Vietnamese and English, in which the Financial Statements in Vietnamese are the official statutory financial statements of the Company. The Financial Statements in English have been translated from the Vietnamese version. Should there be any conflict between the Vietnamese and English versions, the Vietnamese version shall take precedence.

2. Cash and cash equivalents

Cash includes cash on hand and demand deposits in banks. Cash equivalents are short-term investments of which the due dates do not exceed 3 months from the dates of the investments that are readily convertible into known amounts of cash and that are subject to an insignificant risk of change in value as of the balance sheet date.

3. Financial investments

Held-to-maturity investments

Investments are classified as held-to-maturity investments that the Company intends and is able to hold to maturity. Held-to-maturity investments of the Company only include term deposits in bank. Interest income from term deposits in bank is recognized in the income statement on the accrual basis.

Investments in subsidiaries

Subsidiaries

Subsidiary is an entity that is controlled by the Company. Control is obtained when the Company achieves the ability to govern the financial and operating policies of an entity so as to obtain benefits from its activities.

Associates

An associate is an entity which the Company has significant influence but does not have the right to control its financial and operating policies. Significant influence is the right to participate in making resolution on the associate's financial and operating policies but not control those policies.

Initial recognition

Investments in subsidiaries, associates are initially recognized at costs, including the cost of purchase or capital contributions plus other directly attributable transaction cost. If the Company contributes capital by non-monetary assets, costs of the investment are recognized at the fair value of the non-monetary assets at the time of occurrence.

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

Dividend and profit of the periods prior to the acquisition of investments are deducted from the cost of such investments. Dividend and profit of the periods after the acquisition of such investments are recorded in the Company's financial income. Particularly, stock dividends received are not recorded as an increase in value, but the increasing quantity of shares is followed up.

Provisions for impairment of investments in subsidiaries, associates

Provisions for impairment of investments in subsidiaries, associates are made when the subsidiaries, associates suffer from losses, with the provision amount determined by the difference between owners' actual contributed capital and total owners' equity as of the balance sheet date multiplied (x) by the Company's rate of charter capital owning in the subsidiaries, associates. If the subsidiaries, associates are parent companies and have their own Consolidated Financial Statements, provision for impairment loss will be made based on their Consolidated Financial Statements.

Increases/ (decreases) in the provisions for impairment of investments in subsidiaries, associates to be recognized as of the balance sheet date are recorded into "Financial expenses".

Investments in equity instruments of other entities

Investments in equity instruments of other entities include such investments in equity instruments that do not enable the Company to have the control, joint control or significant influence on these entities.

Investments in equity instruments of other entities are initially recognized at costs, including cost of purchase plus other directly attributable transaction costs. Dividend and profit of the periods prior to the acquisition of investments are deducted from the cost of such investments. Dividend and profit of the periods after the acquisition of such investments are recorded in the Company's financial income. Particularly, stock dividends received are not recorded as an increase in value, but the increasing quantity of shares is followed up.

Provisions for impairment of investments in equity instruments of other entities

For investments in equity instruments of other entities which are not listed organizations, of which the fair value cannot be measured at the time of reporting, provisions are made based on the losses suffered by investees, with the provision amount determined by the difference between owners' actual contributed capital and total owners' equity as of the balance sheet date multiplied (x) by the Company's rate of charter capital owning in these investees.

Increases/ (decreases) in the provisions for impairment of investments in equity instruments of other entities to be recognized as of the balance sheet date are recorded into "Financial expenses".

4. Receivables

Receivables are recognized at the carrying amounts less allowance for doubtful debts.

The classification of receivables as trade receivables and other receivables is made according to the following principles:

- Trade receivables reflect receivables concerning the commercial nature arising from purchase and sale transactions between the Company and customers who are independent to the Company.
- Other receivables reflect receivables not concerning the commercial nature and irrelevant to purchase and sale transactions.

Allowance is made for each doubtful debt after being offset against liabilities (if any). The allowance rate is based on the debts' duration of overdue or the estimated loss, as follows:

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

- As for overdue debts:
 - 30% of the value of debts with the duration of overdue from over 6 months to under 1 year.
 - 50% of the value of debts with the duration of overdue from 1 year to under 2 years.
 - 70% of the value of debts with the duration of overdue from 2 years to under 3 years.
 - 100% of the value of debts with the duration of overdue from or over 3 years.
- As for the debts that are not overdue, but considered as doubtful debts: Allowance is made on the basis of the estimated loss.

Increases/ (decreases) in the allowance for doubtful debts to be recognized as of the balance sheet date are recorded into "General and administration expenses".

5. Prepaid expenses

Prepaid expenses comprise actual expenses arising and relevant to financial performance in several accounting periods. Prepaid expenses of the Company mainly include expenses for tools, expenses for fixed asset repairs and vehicle insurance premiums. These prepaid expenses are allocated over the prepayment period or the period in which corresponding economic benefits are generated from these expenses.

Expenses for tools

Expenses for tools in use are allocated into expenses using the straight-line method for the maximum period of 3 years.

Vehicle insurance premiums

Vehicle insurance premiums are allocated into work-in-progress using the straight-line method over the term in the insurance policy.

Expenses for fixed asset repairs

Expenses for fixed asset repairs arising once with high value are allocated into expenses using the straight-line method in 3 years.

6. Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are determined by their historical costs less accumulated depreciation. Historical costs of tangible fixed assets include all the expenses paid by the Company to bring the asset to its working condition for its intended use. Other expenses arising subsequent to initial recognition are included into historical costs of fixed assets only if it can be clearly demonstrated that the expenditure has resulted in future economic benefits expected to be obtained from the use of these assets. Those which do not meet the above conditions will be recorded into operation costs during the year.

When a tangible fixed asset is sold or disposed, its historical cost and accumulated depreciation are written off, then any gain or loss arising from such disposal is included in the income or the expenses during the year.

Tangible fixed assets are depreciated using the straight-line method over their estimated useful lives. The depreciation years applied are as follows:

<u>Class of fixed assets</u>	<u>Years</u>
Buildings and structures	05 – 30
Machinery and equipment	03 – 12
Vehicles	06
Office equipment	03 – 06
Other fixed assets	02 – 06

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

7. Intangible fixed assets

Intangible fixed assets are determined by their historical costs less accumulated amortization.

Historical costs of intangible fixed assets include all the costs paid by the Company to bring the asset to its working condition for its intended use. Other costs relevant to intangible fixed assets arising subsequent to initial recognition are included into operation costs during the period, otherwise, these costs are included into historical costs of fixed assets only if they are associated with a specific intangible fixed asset and result in future economic benefits expected to be obtained from the use of the asset.

When an intangible fixed asset is sold or disposed, its historical costs and accumulated amortization are written off, then any gain or loss arising from such disposal is included in the income or the expenses during the year.

The Company's intangible fixed asset includes:

Land use right

Land use right includes all the actual expenses paid by the Company directly attributable to the land being used such as expenses to obtain the land use right, expenses for site clearance compensation and ground leveling, registration fees, etc. Land use right granted by the State with obligation to pay land use fees is amortized in accordance with the straight-line method over the land granted period (50 years).

Computer software

Costs to obtain computer software, which is not a part associated with the relevant hardware, will be capitalized. Costs of computer software include all the expenses paid by the Company until the date the software is put into use. Computer software is amortized in accordance with the straight-line method in 03 - 04 years.

8. Construction-in-progress

Construction-in-progress reflects the expenses (including relevant borrowing interest expenses following the accounting policies of the Company) directly attributable to the construction of plants and the installation of machinery and equipment to serve for production, leasing, and management as well as the repair of fixed assets, which have not been completed yet. Assets in the progress of construction and installation are recorded at historical costs and not depreciated.

9. Payables and accrued expenses

Payables and accrued expenses are recorded based on the amounts payable for goods and services already used. Accrued expenses are recorded based on reasonable estimates for the amounts payable.

The classification of payables as trade payables, accrued expenses and other payables is made on the basis of following principles:

- Trade payables reflect payables of commercial nature arising from the purchase of merchandise, services, or assets and the seller is an independent entity with the Company.
- Accrued expenses reflect expenses for goods, services received from suppliers or supplied to customers but have not been paid, invoiced or lack of accounting records and supporting documents; pay on leave payable to employees; and accrual of operating expenses.
- Other payables reflect payables of non-commercial nature and irrelevant to purchase, sales of merchandise or rendering of services.

Payables and accrued expenses are classified into short-term and long-term ones in the Balance Sheet based on the remaining terms as of the balance sheet date.

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

10. Owner's equity

Owner's contribution capital

Owner's contribution capital is recorded according to the actual amounts invested by the shareholders.

Share premiums

The differences between the issuance price and face value upon the IPO, additional issue or the difference between the re-issuance price and carrying value of treasury shares and the equity component of convertible bonds upon maturity date are recognized into share premiums. Expenses directly attributable to the additional issue of shares and the re-issuance of treasury shares are recorded as a decrease in share premiums.

11. Profit distribution

Profit after tax is distributed to the shareholders after appropriation for funds under the Charter of the Company as well as legal regulations and approved by the General Meeting of Shareholders.

The distribution of profits to the shareholders is made in consideration of non-cash items in retained earnings that may affect cash flows and the ability to pay dividends such as profit from revaluation of assets invested in other entities, profit from revaluation of monetary items, financial instruments and other non-cash items.

Dividend is recorded as payables upon approval of the General Meeting of Shareholders.

12. Recognition of revenue and income

Revenue from rendering of services

Revenue from rendering of services shall be recognized when all of the following conditions are satisfied:

- The amount of revenue can be measured reliably. When the contract stipulates that the buyer is entitled to return the services provided under specific conditions, revenue is recognized only when those specific conditions no longer exist and the buyer is not entitled to return the services rendered.
- The Company received or shall probably receive the economic benefits associated with the rendering of services.
- The stage of completion of the transaction at the end of reporting period can be measured reliably.
- The costs incurred for the transaction and the costs to complete the transaction can be measured reliably.

In the case that the services are rendered in several accounting periods, revenue is recognized on the basis of the stage of completion as of the balance sheet date.

Revenue from operating leases

Revenue from operating leases is recognized in accordance with the straight-line method during the lease term. Rentals received in advance for several periods are allocated to revenues in consistence with the lease term.

Interest

Interest is recorded based on the term and the actual interest rate applied in each particular period.

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

Dividend income

Income from dividends is recognized when the Company has the right to receive dividends from the investees. Particularly, stock dividends received are not recorded as an increase in value, but the increasing quantity of shares is followed up.

13. Expenses

Expenses are those that result in outflows of the Company's economic benefits and are recorded at the time of transactions or when incurrence of the transaction is reliable regardless of whether payment for expenses is made or not.

Expenses and their corresponding revenues are simultaneously recognized in accordance with matching principle. In the event that matching principle conflicts with prudence principle, expenses are recognized based on the nature and regulations of accounting standards in order to guarantee that transactions can be fairly and truly reflected.

14. Corporate income tax

Corporate income tax only includes current income tax, which is the tax amount computed based on the taxable income. Taxable income is different from accounting profit due to the adjustments of temporary differences between tax and accounting figures, non-deductible expenses as well as those of non-taxable income and losses brought forward.

15. Related parties

Parties are considered to be related parties in case that one party is able to control the other party or has significant influence on the financial and operating decisions of the other party. Parties are also considered to be related parties in case that they are under the common control or under the common significant influence.

In considering each possible related party relationship, attention is directed to the substance of the relationship and not merely the legal form.

16. Segment reporting

A business segment is a distinguishable component of the Company that is engaged in manufacturing or providing products or services and that is subject to risks and returns that are different from those of other business segments.

A geographical segment is a distinguishable component of the Company that is engaged in manufacturing or providing products or services within a particular economic environment and that is subject to risks and returns that are different from those of components operating in other economic environments.

The segment information is prepared and presented in conformity with the accounting policy applied for the preparation and presentation of the Company's Financial Statements.

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

V. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE BALANCE SHEET**1. Cash and cash equivalents**

	Ending balance	Beginning balance
Cash on hand	360,887,624	27,357,388
Demand deposits in banks	31,368,805,036	32,185,139,079
Cash equivalents (<i>Bank deposits of which the principal maturity is from or under 3 months</i>)	60,000,000,000	195,958,872,266
<i>Nam A Commercial Joint Stock Bank</i>	<i>50,000,000,000</i>	<i>180,000,000,000</i>
<i>Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade</i>	<i>10,000,000,000</i>	<i>15,958,872,266</i>
Total	91,729,692,660	228,171,368,733

2. Financial investments**2a. Held-to-maturity investments**

Ending balance is term deposits with the term of 6 – 12 months at commercial banks, which have carrying value equal to their original costs, the interest rate from 2.9% to 4.4% per year.

2b. Investments in other entities

	Ending balance		Beginning balance	
	Original cost	Provision	Original cost	Provision
Investments in subsidiary – Cat Lai Port International Logistics JSC. ⁽ⁱ⁾	19,000,000,000	-	19,000,000,000	-
Investments in associate – Tan Cang Que Vo JSC. ⁽ⁱⁱ⁾	78,225,400,000	-	78,225,400,000	-
Investments in other entities – Ho Chi Minh Rubber Corporation ⁽ⁱⁱⁱ⁾	2,258,600,000	(1,637,309,606)	2,258,600,000	(1,637,309,606)
Total	99,484,000,000	(1,637,309,606)	99,484,000,000	(1,637,309,606)

⁽ⁱ⁾ As of the balance sheet date, the Company owned 1,900,000 shares equivalent to 54.29% of charter capital of Cat Lai Port International Logistics JSC., same as the beginning balance.

⁽ⁱⁱ⁾ As of the balance sheet date, the Company owned 2,523,400 shares with the face value of VND 25,234,000,000, the carrying value of VND 78,225,400,000 equivalent to 20% of charter capital of Tan Cang Que Vo JSC., same as the beginning balance.

⁽ⁱⁱⁱ⁾ As of the balance sheet date, the Company owned 225,860 shares equivalent to 0.83% of charter capital of Ho Chi Minh Rubber Corporation, same as the beginning balance.

Fair value

The Company has not determined fair value of the investments without listed prices because there have not been any specific instructions on determination of fair value.

Operation of subsidiaries, associates

The subsidiary and the associate have been in their normal operation and have not experienced any significant change as compared to that of the previous year.

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)*Transactions with subsidiaries and associates*

Significant transactions between the Company and its subsidiary and associate are as follows:

	Current year	Previous year
<i>Cat Lai Port International Logistics JSC.</i>		
Using services of the subsidiary	8,236,908,928	8,553,325,188
Revenue from consulting service provided	120,000,000	120,000,000
Interest on sales with deferred payment	4,961,273	363,951,680
Dividends received from the subsidiary	855,000,000	-
<i>Tan Cang Que Vo JSC.</i>		
Dividends received from the associate	6,013,554,495	4,535,759,103

3. Short-term trade receivables

	Ending balance	Beginning balance
<i>Receivables from related parties</i>	<u>44,217,043,516</u>	<u>3,179,619,019</u>
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	44,217,043,516	975,932,428
Cat Lai Port International Logistics JSC.	-	2,203,686,591
<i>Receivables from other customers</i>	<u>1,137,468,310</u>	<u>1,137,468,310</u>
Total	<u>45,354,511,826</u>	<u>4,317,087,329</u>

4. Short-term prepayments to suppliers

	Ending balance	Beginning balance
<i>Prepayments to related parties</i>	<u>8,358,000,000</u>	<u>555,411,817</u>
Cat Lai Port International Logistics JSC.	6,000,000,000	-
Tan Cang Technical Services JSC.	2,358,000,000	-
Tan Cang Construction JSC.	-	555,411,817
<i>Prepayments to other suppliers</i>	<u>5,221,060,952</u>	<u>-</u>
Liebherr-Mcctec Rostock GMBH	4,603,932,000	-
Other suppliers	617,128,952	-
Total	<u>13,579,060,952</u>	<u>555,411,817</u>

5. Other short-term receivables

	Ending balance		Beginning balance	
	Value	Allowance	Value	Allowance
<i>Receivables from related parties</i>	-	-	7,606,783,625	
Cat Lai Port International Logistics JSC. - Interest on sales with deferred payment ⁽ⁱ⁾	-	-	7,606,783,625	
<i>Receivables from other organizations and individuals</i>	11,575,461,293	(3,386,023,629)	8,862,531,714	(17,558,567)
Accrued interest income of term deposits	4,800,972,602	-	2,050,443,023	
Advances	20,000,000	-	57,600,000	
Quang Thai Hong One Member Co., Ltd. ⁽ⁱⁱ⁾	6,736,930,124	(3,368,465,062)	6,736,930,124	
Other short-term receivables	17,558,567	(17,558,567)	17,558,567	(17,558,567)
Total	<u>11,575,461,293</u>	<u>(3,386,023,629)</u>	<u>16,469,315,339</u>	<u>(17,558,567)</u>

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

- (i) This is interest receivable from the Subsidiary in accordance with the Asset Sale Contracts dated 31 December 2017, paid by deferred payment method, with deferred payment interest rate of 5% calculated on the decreasing balance.
- (ii) This is the receivable from Quang Thai Hong One Member Co., Ltd. in accordance with the Court's decisions related to the dispute over the business cooperation contract between Saigon Agricultural Incorporation and Cat Lai Port Joint Stock Company and the consignment contract between Quang Thai Hong One Member Co., Ltd. and Cat Lai Port Joint Stock Company, accordingly, Quang Thai Hong One Member Co., Ltd. is required to pay the Company with the amount of VND 6,736,930,124 (including rental and interest). Due to the fact that Quang Thai Hong One Member Co., Ltd. has not yet fulfilled its payment obligations in accordance with the Judgment and Enforcement Decisions, the Civil Judgment Enforcement Office of Binh Thanh District had issued the Decision No. 67/QD-CCTHADS dated 8 May 2023 on the temporary suspension of exit from the country for Mr. Nguyen Hoang Hai - legal representative of Quang Thai Hong One Member Co., Ltd.

6. Allowance for doubtful debts

	Duration of overdue	Ending balance		Duration of overdue	Beginning balance	
		Original cost	Allowance		Original cost	Allowance
	From over 1 year to under 2 years					
Quang Thai Hong One Member Co., Ltd.		6,736,930,124	(3,368,465,062)		-	-
Other customers	Over 3 years	779,276,877	(779,276,877)	Over 3 years	779,276,877	(779,276,877)
Total		7,516,207,001	(4,147,741,939)		779,276,877	(779,276,877)

Fluctuations in allowance for doubtful debts are as follows:

	Current year	Previous year
Beginning balance	779,276,877	779,276,877
Additional allowance during the year	3,368,465,062	-
Ending balance	4,147,741,939	779,276,877

7. Inventories

	Ending balance	Beginning balance
Tools	4,207,217,455	5,185,890,519
Work in progress	1,323,457,756	-
Total	5,530,675,211	5,185,890,519

8. Prepaid expenses**8a. Short-term prepaid expenses**

	Ending balance	Beginning balance
Vehicle insurance premiums	147,818,827	154,171,775
Expenses for crane and wharf repairs	1,442,581,819	-
Total	1,590,400,646	154,171,775

8b. Long-term prepaid expenses

	Ending balance	Beginning balance
Expenses for crane repairs	3,329,173,138	-
Expenses for rail system repairs	11,970,854,750	-
Total	15,300,027,888	-

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

9. Tangible fixed assets	Buildings and structures	Machinery and equipment	Vehicles	Office equipment	Other fixed assets	Total
Historical costs						
Beginning balance	195,087,317,394	319,297,844,524	2,465,272,727	1,799,872,937	1,315,540,278	519,965,847,860
Acquisition during the year	-	351,979,124	-	99,934,000	-	451,913,124
Disposal and liquidation	-	(18,151,271,569)	-	-	-	(18,151,271,569)
Ending balance	195,087,317,394	301,498,552,079	2,465,272,727	1,899,806,937	1,315,540,278	502,266,489,415
<i>In which:</i>						
Assets fully depreciated but still in use	48,255,215,546	232,325,700,257	-	55,400,545	347,571,500	280,983,887,848
Assets waiting for liquidation	-	-	-	-	-	-
Depreciation						
Beginning balance	118,051,768,260	305,281,753,954	888,242,920	755,195,068	506,559,708	425,483,519,910
Depreciation during the year	6,901,704,540	8,924,279,672	410,878,788	480,900,493	250,813,592	16,968,577,085
Disposal and liquidation	-	(18,151,271,569)	-	-	-	(18,151,271,569)
Ending balance	124,953,472,800	296,054,762,057	1,299,121,708	1,236,095,561	757,373,300	424,300,825,426
Net book value						
Beginning balance	77,035,549,134	14,016,090,570	1,577,029,807	1,044,677,869	808,980,570	94,482,327,950
Ending balance	70,133,844,594	5,443,790,022	1,166,151,019	663,711,376	558,166,978	77,965,663,989
<i>In which:</i>						
Assets temporarily not in use	-	-	-	-	-	-
Assets waiting for liquidation	-	-	-	-	-	-

These Notes form an integral part of and should be read in conjunction with the Financial Statements

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

10. Intangible fixed assets

	Land use right	Computer software	Total
Historical costs			
Beginning balance	101,262,004,441	280,000,000	101,542,004,441
Ending balance	101,262,004,441	280,000,000	101,542,004,441
<i>In which:</i>			
Assets fully amortized but still in use	-	280,000,000	280,000,000
Amortization			
Beginning balance	24,694,099,349	280,000,000	24,974,099,349
Amortization during the year	1,584,648,084	-	1,584,648,084
Ending balance	26,278,747,433	280,000,000	26,558,747,433
Net book value			
Beginning balance	76,567,905,092	-	76,567,905,092
Ending balance	74,983,257,008	-	74,983,257,008
<i>In which:</i>			
Assets temporarily not in use	-	-	-
Assets waiting for liquidation	-	-	-

11. Construction-in-progress

	Beginning balance	Incurred in the year	Transferred to expenses/prepaid expenses	Ending balance
Acquisition of fixed assets	-	124,061,666	-	124,061,666
Construction-in-progress	553,543,848	-	-	553,543,848
Expenses for fixed asset repairs	3,358,159,911	9,943,769,730	(12,675,022,676)	626,906,965
<i>Project of repair and maintenance of rail system and support equipment of wharf No. 7</i>	<i>3,358,159,911</i>	<i>9,316,862,765</i>	<i>(12,675,022,676)</i>	<i>-</i>
<i>Other projects</i>	<i>-</i>	<i>626,906,965</i>	<i>-</i>	<i>626,906,965</i>
Total	3,911,703,759	10,067,831,396	(12,675,022,676)	1,304,512,479

12. Short-term trade payables

	Ending balance	Beginning balance
Payables to related parties	1,332,442,773	828,822,821
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	38,400,487	10,470,301
Tan Cang Technical Services JSC.	657,594,180	629,039,320
Tan Cang – STC Human Resource Development Co., Ltd.	-	189,313,200
Tan Cang Construction JSC.	636,448,106	-
Payables to other suppliers	4,270,537,016	1,905,358,406
Hong Linh Construction – Trading Co., Ltd.	2,044,326,721	1,049,376,088
Dan Hung Trading Co., Ltd.	810,000,000	-
First Investment and Design Consultancy JSC.	528,698,393	148,933,373
Other suppliers	887,511,902	707,048,945
Total	5,602,979,789	2,734,181,227

The Company has no overdue trade payables.

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

13. Taxes and other obligations to the State Budget

	Beginning balance		Incurred in the year		Ending balance
	Payable	Receivable	Amount payable	Amount already paid	Payable
VAT on local sales	-	-	13,676,366,718	(13,676,366,718)	-
Corporate income tax	4,858,754,853	-	23,963,549,840	(23,379,653,701)	5,442,650,992
Personal income tax	1,744,301,038	-	1,870,311,497	(3,153,637,968)	460,974,567
Property tax	-	-	15,499,175	(15,499,175)	-
Land rental	-	258,319,584	861,065,280	(602,745,696)	-
License duty	-	-	3,000,000	(3,000,000)	-
Total	6,603,055,891	258,319,584	40,389,792,510	(40,830,903,258)	5,903,625,559

Value added tax (VAT)

The Company has to pay VAT in accordance with the deduction method. The VAT rates are as follows:

Providing fresh water	5%
Other services	8%, 10%

Corporate income tax (CIT)

The Company has to pay CIT for taxable income at the rate of 20%.

Estimated CIT payable during the year is as follows:

	Current year	Previous year
Total accounting profit before tax	119,887,840,520	115,852,635,212
Increases/(decreases) of accounting profit to determine income subject to tax:	6,071,663,174	831,526,487
- Increases	6,071,663,174	831,526,487
Allowance for non-executive BOD, BOS	554,700,000	588,800,000
Other non-deductible expenses	5,516,963,174	242,726,487
Income subject to tax	125,959,503,694	116,684,161,699
Income exempted from tax (income from dividends)	(6,868,554,495)	(4,535,759,103)
Total taxable income	119,090,949,199	112,148,402,596
CIT rate	20%	20%
CIT payable at common tax rate	23,818,189,840	22,429,680,519
Adjustments of CIT of the previous years	145,360,000	16,043,880
Total corporate income tax to be paid	23,963,549,840	22,445,724,399

The determination of corporate income tax liability of the Company is based on the prevailing regulations on taxes. However, these regulations may change from time to time and regulations applicable to variety of transactions can be interpreted differently. Therefore, the tax amount presented in the Financial Statements could change when being inspected by the Tax Office.

Property tax

Property tax is paid according to the notices of the tax department.

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

Land rental

According to the notice of annual payment of land and water surface rental No. 7512/TB-CC/TPTD dated 11 March 2024, the land rental payable in 2024 for an area of 59,796.2 m² in Cat Lai Ward, Thu Duc City, for the purpose of shipping service activities is VND 861,065,280.

Other taxes

The Company declares and pays these taxes according to prevailing regulations.

14. Other short-term payables

	Ending balance	Beginning balance
<i>Payables to related parties</i>	<i>162,000,000</i>	-
Allowance for BOD, BOS	162,000,000	-
<i>Payables to other organizations and individuals</i>	<i>6,059,297,527</i>	<i>6,637,483,197</i>
Trade Union's expenditure	30,768,126	27,717,942
Social insurance, health insurance, unemployment insurance premiums	4,128,734	4,128,720
Short-term deposits received	375,750,000	375,750,000
Dividends payable	5,626,596,635	6,217,886,535
Other short-term payables	22,054,032	12,000,000
Total	6,221,297,527	6,637,483,197

The Company has no other overdue payables.

15. Bonus and welfare funds

	Beginning balance	Other increase	Increase due to appropriation from profit	Disbursement during the year	Ending balance
Bonus fund	1,966,322,863	4,000,000	3,836,971,627	(3,532,000,000)	2,275,294,490
Welfare fund	683,267,707	-	959,242,907	(1,166,430,000)	476,080,614
Bonus fund for the Executive Officers	4,859,882	-	349,382,163	(349,382,163)	4,859,882
Total	2,654,450,452	4,000,000	5,145,596,697	(5,047,812,163)	2,756,234,986

16. Owner's equity**16a. Statement of changes in owner's equity**

	Owner's contribution capital	Share premiums	Investment and development fund	Retained earnings	Total
<i>Previous year</i>					
Beginning balance	340,000,000,000	60,123,448,000	101,852,596,289	125,613,728,344	627,589,772,633
Profit of the year	-	-	-	93,406,910,813	93,406,910,813
Dividends declared	-	-	-	(125,120,000,000)	(125,120,000,000)
Appropriation for the Executive Officers' bonus fund from profit of the previous year	-	-	-	(313,409,706)	(313,409,706)
Appropriation for bonus and welfare funds from profit of the year	-	-	-	(4,670,345,541)	(4,670,345,541)
Ending balance	340,000,000,000	60,123,448,000	101,852,596,289	88,916,883,910	590,892,928,199

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

	Owner's contribution capital	Share premiums	Investment and development fund	Retained earnings	Total
<i>Current year</i>					
Beginning balance	340,000,000,000	60,123,448,000	101,852,596,289	88,916,883,910	590,892,928,199
Profit of the year	-	-	-	95,924,290,680	95,924,290,680
Dividends declared	-	-	-	(88,400,000,000)	(88,400,000,000)
Appropriation for the Executive Officers' bonus fund from profit of the previous year	-	-	-	(349,382,163)	(349,382,163)
Appropriation for bonus and welfare funds from profit of the year	-	-	-	(4,796,214,534)	(4,796,214,534)
Ending balance	<u>340,000,000,000</u>	<u>60,123,448,000</u>	<u>101,852,596,289</u>	<u>91,295,577,893</u>	<u>593,271,622,182</u>

16b. Details of owner's capital contribution

	Ending balance	Beginning balance
The State's investment capital	162,149,200,000	162,149,200,000
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	87,161,700,000	87,161,700,000
Voluntary Youth Public Benefit Service Co., Ltd.	74,987,500,000	74,987,500,000
Other shareholders' contribution capital	177,850,800,000	177,850,800,000
Share premiums	60,123,448,000	60,123,448,000
Total	<u>400,123,448,000</u>	<u>400,123,448,000</u>

16c. Shares

	Ending balance	Beginning balance
Number of ordinary shares registered to be issued	34,000,000	34,000,000
Number of ordinary shares already issued	34,000,000	34,000,000
Number of outstanding ordinary shares	34,000,000	34,000,000

Face value per outstanding share: VND 10,000.

16d. Profit distribution

During the year, the Company distributed profit in accordance with the Resolution of 2024 Annual General Meeting of Shareholders No.19/NQ-DHDCD/CLL dated 3 June 2024 as follows:

Distribution of profit after tax of 2023

	VND
• Appropriation for the Executive Officers' bonus fund	: 349,382,163
• Dividends declared	: 88,400,000,000

Temporary distribution of profit after tax of 2024

• Appropriation for bonus and welfare funds (5% of profit after tax)	: 4,796,214,534
--	-----------------

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

VI. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE INCOME STATEMENT**1. Revenue from sales of merchandise and rendering of services****1a. Gross revenue**

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Revenue from seaport leasing services	153,000,000,000	150,000,000,000
Revenue from stevedoring equipment leasing services	23,800,483,512	25,053,140,539
Other revenue	14,144,374,365	11,714,117,160
Total	190,944,857,877	186,767,257,699

1b. Revenue from sales of merchandise and rendering of services to related parties

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
<i>Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation</i>		
Revenue from seaport leasing services	153,000,000,000	150,000,000,000
Revenue from stevedoring equipment leasing	23,800,483,512	25,053,140,539
Revenue from transport services	7,104,240,000	-
Other revenue	6,645,034,365	11,594,117,160
Total	190,549,757,877	186,647,257,699

2. Costs of sales

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Costs of seaport leasing services	22,838,155,861	29,683,064,895
Costs of stevedoring equipment leasing services	20,949,146,670	22,295,789,242
Other costs	14,351,352,113	10,052,960,964
Total	58,138,654,644	62,031,815,101

3. Financial income

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Interest from term deposits	8,743,218,747	9,834,249,704
Interest from demand deposits	276,966,956	150,572,125
Dividends and profit received	6,868,554,495	4,535,759,103
Interest on sales with deferred payment	4,961,273	363,951,680
Total	15,893,701,471	14,884,532,612

4. Financial expenses

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Provisions for the diminution in value of long-term financial investments	-	1,637,309,606

5. Selling expenses

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Expenses for external services	720,954,000	925,464,000
Other expenses	387,666,560	824,863,065
Total	1,108,620,560	1,750,327,065

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

6. General and administration expenses

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Labor costs	12,566,166,458	9,875,398,282
Materials, supplies	125,633,778	221,946,678
Office supplies	329,933,515	251,048,787
Depreciation/amortization of fixed assets	1,901,419,641	1,831,091,712
Taxes, fees and legal fees	23,684,175	18,899,175
Allowance for doubtful debts	3,368,465,062	-
Expenses for external services	3,383,192,457	2,606,056,060
Other expenses	6,298,820,896	5,838,615,933
Total	27,997,315,982	20,643,056,627

7. Other income

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Gain on disposal and liquidation of fixed assets	2,073,581,282	200,000,000
Proceeds from selling used scraps, materials	30,310,000	-
Proceeds from enforcement of judgments on business cooperation contract disputes	-	294,066,047
Other income	15	971
Total	2,103,891,297	494,067,018

8. Other expenses

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Fines for administrative violation and tax fines and tax collected in arrears	219,658,000	38,896,871
Support costs	71,712,690	184,800,000
Expenses for enforcement of judgments on business cooperation contract disputes (*)	1,518,466,400	-
Other expenses	181,849	7,016,847
Total	1,810,018,939	230,713,718

(*) According to the Appeal Judgment No. 132/2024/KDTM-PT dated 24 May 2024 of the People's Court of Ho Chi Minh City regarding the dispute over the business cooperation contract between Saigon Agricultural Incorporation and Cat Lai Port Joint Stock Company, the Company is required to pay Saigon Agricultural Incorporation VND 1,452,880,000 (including 13 months of revenue sharing and interest arising from deferred payment) and cover court fees of VND 55,586,400.

9. Earnings per share ("EPS")

Information on EPS is presented in the Consolidated Financial Statements.

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

10. Operating costs by factors

	Current year	Previous year
Materials and supplies	125,633,778	221,946,678
Labor costs	17,863,439,164	15,215,161,597
Depreciation/amortization of fixed assets	18,553,225,169	24,232,886,388
Expenses for external services	33,631,524,732	29,475,600,893
Other expenses	17,070,768,343	15,279,603,237
Total	87,244,591,186	84,425,198,793

VII. OTHER DISCLOSURES**1. Operating leased assets**

As of the balance sheet date, the future minimum rental income from irrevocable operating lease contracts to be received is as follows:

	Ending balance	Beginning balance
From or under 1 year	150,000,000,000	150,000,000,000
Over 1 year to 5 years	600,000,000,000	750,000,000,000
Over 5 years	-	-
Total	750,000,000,000	900,000,000,000

The total rental income recognized as revenue during the year is VND 153,000,000,000 (for the comparable period of the previous year: VND 150,000,000,000).

2. Transactions and balances with the related parties

The related parties of the Company include the key managers, their related individuals and other related parties.

2a. Transactions and balances with the key managers and their related individuals

The key managers include the Board of Directors (BOD), the Board of Supervisors (BOS) and the Executive Officers (the Board of Management, the Chief Accountant). The key managers' related individuals are their close family members.

Transactions with the key managers and their related individuals

The Company has no transactions with the key managers and their related individuals in the year (in the previous year, the Company only had transactions of advance and refund of advance to/from Mr. Pham Hieu Dao – BOD Member cum Deputy Director with the amount of VND 40,000,000 and VND 40,000,000, respectively).

Receivables from and payables to the key managers and their related individuals

Receivables from and payables to the key managers and their related individuals are presented in Note V.14.

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

Compensation of the key managers

Full name – Position	Salary	Bonus	Allowance	Total compensation
<i>Current year</i>				
Mr. Nguyen Thanh Son – Chairman (from 03 June 2024)	816,750,000	15,500,000	-	832,250,000
Mr. Nguyen Phuong Nam - Chairman (to 03 June 2024)	-	53,676,031	50,700,000	104,376,031
Mr. Ta Cao Thai - Vice Chairman	-	27,434,416	120,000,000	147,434,416
Mr. Nguyen Chau Bao - BOD Member	-	43,916,752	72,000,000	115,916,752
Ms. Nguyen Huynh Mai - BOD Member	-	43,916,752	72,000,000	115,916,752
Mr. Le Chi Dang - BOD Member cum Director	1,229,055,921	74,796,391	72,000,000	1,375,852,312
Mr. Pham Hieu Dao - BOD Member cum Deputy Director	946,066,586	74,796,391	72,000,000	1,092,862,977
Mr. Hoang Duc Thinh – BOD Member	-	22,446,340	72,000,000	94,446,340
Mr. Do Thanh Thanh - BOS Manager	-	-	60,000,000	60,000,000
Ms. Le Thi Doan Trang - BOS Member	-	-	54,000,000	54,000,000
Mr. Le Hai Nam - BOS Member	-	-	54,000,000	54,000,000
Mr. Hoang Minh Thao – Deputy Director (from 03 June 2024)	622,641,105	15,500,000	-	638,141,105
Mr. Nguyen Viet Truong – Chief Accountant	840,497,430	60,157,475	-	900,654,905
Total	4,455,011,042	432,140,548	698,700,000	5,585,851,590
<i>Previous year</i>				
Mr. Nguyen Phuong Nam - Chairman	-	51,455,325	120,000,000	171,455,325
Mr. Le Thanh Khoa – Vice Chairman (to 27 June 2023)	-	51,455,325	58,666,667	110,121,992
Mr. Ta Cao Thai - Vice Chairman (from 27 June 2023)	-	-	87,733,333	87,733,333
Mr. Hoang Duc Thinh – BOD Member (from 27 June 2023)	-	-	36,800,000	36,800,000
Mr. Nguyen Chau Bao - BOD Member	-	42,099,811	72,000,000	114,099,811
Ms. Nguyen Huynh Mai - BOD Member	-	42,099,811	72,000,000	114,099,811
Mr. Le Chi Dang - BOD Member cum Director	1,091,415,855	72,777,568	72,000,000	1,236,193,423
Mr. Pham Hieu Dao - BOD Member cum Deputy Director	834,399,231	72,777,568	72,000,000	979,176,799
Mr. Do Thanh Thanh – BOS Manager	-	-	60,000,000	60,000,000
Ms. Le Thi Doan Trang – BOS Member	-	-	27,600,000	27,600,000
Mr. Le Hai Nam - BOS Member	-	-	54,000,000	54,000,000
Mr. Nguyen Viet Truong – Chief Accountant	744,895,717	58,744,298	-	803,640,015
Total	2,670,710,803	391,409,706	732,800,000	3,794,920,509

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)**2b. Transactions and balances with other related parties**

Other related parties of the Company include:

Name	Relationship
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	Large shareholder
Voluntary Youth Public Benefit Service Co., Ltd.	Large shareholder
Cat Lai Port International Logistics JSC.	Subsidiary
Tan Cang Que Vo JSC.	Associate
Tan Cang Logistics and Stevedoring JSC.	Related party of large shareholder
Tan Cang Technical Services JSC.	Related party of large shareholder
Tan Cang Gantry JSC.	Related party of large shareholder
Tan Cang Container Services JSC.	Related party of large shareholder
Tan Cang Construction JSC.	Related party of large shareholder
Tan Cang – STC Human Resource Development Co., Ltd.	Related party of large shareholder

Transactions with other related parties

Apart from transactions with the subsidiary, the associate as presented in Note V.2 as well as transactions of rendering of services to other related parties which are not the subsidiaries or the associates as presented in Note VI.1b, the Company also has other transactions with other related parties as follows:

	Current year	Previous year
Dividends payable to related parties:		
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	22,662,042,000	32,075,505,600
Tan Cang Logistics and Stevedoring JSC.	3,217,500,000	4,554,000,000
Voluntary Youth Public Benefit Service Co., Ltd.	19,496,750,000	27,595,400,000
Purchasing merchandise and using services of related parties:		
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	219,664,768	105,723,713
Tan Cang Technical Services JSC.	1,606,817,904	8,755,232,673
Tan Cang Container Services JSC.	74,390,000	219,861,616
Tan Cang Construction JSC.	11,126,029,093	2,902,465,116
Tan Cang – STC Human Resource Development Co., Ltd.	42,593,000	175,290,000

Merchandise and services sold to and purchased from other related parties are at agreed prices.

Receivables from and payables to other related parties

Receivables from and payables to other related parties are presented in Notes V.3, V.4, V.5 and V.12.

Receivables from other related parties are unsecured and will be paid in cash. No allowance has been made for the receivables from other related parties.

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

3. Segment information

The primary business activities of the Company are rendering port leasing services and ancillary services (including equipment leasing for cargo handling at ports, transportation services, etc.). Detailed information on revenue and cost of sales for each service is disclosed in Notes VI.1 and VI.2. The Company's operations are entirely conducted within the territory of Vietnam. As such, the risks and returns associated with the Company are not significantly impacted by differences in business segments or geographical locations. The Board of Management has determined that the Company operates in a single operating segment and a single geographical segment. Therefore, the Company does not present segment reporting by business segment or geographical area.

4. Subsequent events

There have been no material events after the balance sheet date, which require to make adjustments on the figures or to be disclosed in the Financial Statements.

Prepared on 19 February 2025

Prepared by



Vo Thai Hau

Chief Accountant



Nguyen Viet Truong

Director



Le Chi Dang

